

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH SƠN

Địa chỉ: 13-S1, Khu đô thị Hà Tiên, Xã Định Trung, TP Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Báo cáo gồm có:

- 1. Bảng cân đối kế toán*
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*
- 4. Thuyết minh Báo cáo tài chính*

***** & *****

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2020

DVT: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối kỳ
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn	100		77,618,939,686	75,954,256,754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,358,890,472	3,246,644,632
1. Tiền	111	V.01	158,890,472	596,644,632
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,200,000,000	2,650,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54,871,617,547	52,318,675,047
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		0	0
2. Trả trước cho người bán	132		941,508,500	837,708,500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		53,930,109,047	51,480,966,547
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	851,757,163	851,757,163
1. Hàng tồn kho	141		851,757,163	851,757,163
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19,536,674,504	19,537,179,912
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		59,872,276	11,229,529
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19,136,101,833	19,159,569,300
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.05	340,700,395	366,381,083
B. Tài sản dài hạn	200		1,126,401,320,998	1,128,239,160,704
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		79,687,628	62,157,110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	79,687,628	62,157,110
- Nguyên giá	222		755,657,987	755,657,987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-675,970,359	-693,500,877
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	0
- Nguyên giá	228		45,000,000	45,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-45,000,000	-45,000,000
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
VI. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,126,293,711,497	1,128,158,648,541
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng dở dang	242		1,126,293,711,497	1,128,158,648,541
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27,921,873	18,355,053
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	27,921,873	18,355,053
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		1,204,020,260,684	1,204,193,417,458
C. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		54,135,716,271	54,341,015,863
I. Nợ ngắn hạn	310		3,442,396,956	3,647,696,548
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		3,405,471,080	3,420,471,080
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	0

3. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	28,312,848	26,777,445
4. Phải trả người lao động	314		0	191,834,995
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	8,613,028	8,613,028
II. Nợ dài hạn	330		50,693,319,315	50,693,319,315
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		20,913,319,315	20,913,319,315
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	29,780,000,000	29,780,000,000
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		1,149,884,544,413	1,149,852,401,595
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,150,000,000,000	1,150,000,000,000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-115,455,587	-147,598,405
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		-129,195,591	-129,195,591
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		13,740,004	-18,402,814
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		0	0
Tổng cộng nguồn vốn	440		1,204,020,260,684	1,204,193,417,458

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 07 năm 2020

Người lập



Kế toán trưởng



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Văn Chiến

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Vũ Nhật

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
6 Tháng đầu năm 2020

ĐVT: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1	VI.25	96,090,909	216,636,367
2. Các khoản giảm trừ	2		0	0
3. Doanh thu thuần BH và c/c dịch vụ (10=01-02)	10		96,090,909	216,636,367
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	0	0
5. Lợi nhuận gộp BH và c/c dịch vụ (20=10-11)	20		96,090,909	216,636,367
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	0	0
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	0	0
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	24		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		124,233,727	213,771,428
10. Lợi nhuận thuần {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		-28,142,818	2,864,939
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		4,000,000	36,524,892
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-4,000,000	-36,524,892
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		-32,142,818	-33,659,953
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	0	572,988
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-51)	60		-32,142,818	-34,232,941
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		0	0

Vinh Phúc, ngày 16 tháng 07 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Văn Chiến

GIÁM ĐỐC
Vũ Nhật

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Kỳ từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

ĐVT: VND

Chỉ tiêu 1	Mã số 2	Thuyết minh 3	Kỳ này 4	Kỳ trước 5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		105,700,000	238,300,000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(112,262,000)	(182,325,000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(1,244,149,888)	(1,236,510,656)
4. Tiền chi trả lãi vay	4			-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(25,680,688)	(2,674,973)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2,635,502,941	81,486,528,823
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(479,676,340)	(80,639,742,430)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		879,434,025	(336,424,236)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(15,975,636)	(48,437,789)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24,295,771	28,097,977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8,320,135	(20,339,812)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		887,754,160	(356,764,048)
Tiền tương đương tiền đầu kỳ	60		2,358,890,472	1,842,767,958
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ giảm	61		-	-
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ tăng	62		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	3,246,644,632	1,486,003,910

Vinh Phúc, ngày 16 tháng 07 năm 2020

Người lập



Kế toán trưởng



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Văn Chiến

Giám đốc




GIÁM ĐỐC
Vũ Nhật

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vĩnh Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp là 2500223128, đăng ký lần đầu ngày 12/09/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28/02/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13-S1, Khu đô thị Hà Tiên, xã Định Trung, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.150.000.000.000 VND.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại; dịch vụ; sản xuất, xây lắp, tổng hợp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ môi giới nhà đất; Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH SƠN

13-S1, Khu đô thị Hà Tiên, xã Định Trung,

thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 20 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| - Các tài sản khác | 08 - 20 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH SƠN

13-S1, Khu đô thị Hà Tiên, xã Định Trung,

thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH SƠN

13-S1, Khu đô thị Hà Tiên, xã Định Trung,
thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà Công ty được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH SƠN

13-S1, Khu đô thị Hà Tiên, xã Định Trung,
thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**14.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2020	01/01/2020
Tiền mặt tại quỹ	17.267.269	103.331.910
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	579.377.363	55.558.562
Các khoản tương đương tiền	2.650.000.000	2.200.000.000
	3,246,644,632	2.358.890.472
2. Trả trước cho người bán	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Tiếp Thị M	173.001.000	173.001.000
Công ty Cổ phần Phú Diễn	226.000.000	226.000.000
Công ty Cổ phần Quốc tế á Châu A.C.A	80.349.500	80.349.500
Công ty CP TV và XD Hạ tầng Miền Bắc	98.500.000	98.500.000
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Lê Anh		118.800.000
Công ty TNHH đầu tư và tư vấn kiến trúc Đông Dương	120.000.000	120.000.000
Người bán khác	139.858.000	124.858.000
	837.708.500	941.508.500

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH SƠN13-S1, Khu đô thị Hà Tiên, xã Định Trung,
thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Phải thu khác	Giá trị	30/06/2020		01/01/2020	
			Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng					
Lê Trung Kiên	382.845.297	-	341.987.797	-	
Vũ Hồng Khanh	10.000.0000				
Phải thu khác (*)	51.088.121.250	-	53.588.121.250	-	
	51.480.966.547	-	53.930.109.047	-	

(*) Trong đó, tại thời điểm 30/06/2020, phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản Dragon Village là 51.088.121.250 đồng, theo thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán ngày 15/12/2018 giữa Công ty, ông Nguyễn Minh Đức và Công ty Cổ phần Bất động sản Dragon Village.

4. Hàng tồn kho	Giá gốc	30/06/2020		01/01/2020	
			Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	96.595.762	-	96.595.762	-	
Thành phẩm	755.161.401	-	755.161.401	-	
	851.757.163	-	851.757.163	-	

5. Chi phí trả trước	30/06/2020		01/01/2020	
Ngắn hạn				
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ		2.896.196		5.850.744
Tiền thuê nhà		7.000.000		49.000.000
Chi phí trả trước khác		1.333.333		5.021.532
		11.229.529		59.872.276
Dài hạn				
Công cụ dụng cụ		16.990.543		23.174.508
Chi phí trả trước khác		1.364.510		4.747.365
		18.355.053		27.921.873

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc		Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Khoản mục				
Nguyên giá				
Số dư 01/01/2020		529.414.057	226.243.930	755.657.987
Số dư 30/06/2020		529.414.057	226.243.930	755.657.987
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư 01/01/2020		514.351.867	161.618.492	675.970.359
Khấu hao trong kỳ		6.240.144	11.290.374	35.061.036
Số dư 30/06/2020		520.592.011	172.908.866	693.500.877

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH SƠN

13-S1, Khu đô thị Hà Tiên, xã Định Trung,
thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2020

15.062.190 64.625.438 79.687.628

Tại ngày 30/06/2020

8.822.046 53.335.064 62.157.110

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

473.508.987

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán, đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng.

8. Tài sản dở dang dài hạn**Xây dựng cơ bản dở dang**

30/06/2020

01/01/2020

Dự án Khu biệt thự và Nhà nghỉ Nam Sơn (*)

1.128.132.324.541 1.126.267.387.497

Xây dựng cơ bản dở dang khác

26.324.000

26.324.000

1.128.158.648.541 1.126.293.711.497

(*) Dự án Khu biệt thự và nhà nghỉ Nam Sơn chính thức đầu tư từ năm 2004 tại xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc (nay thuộc Hà Nội). Dự án được chia thành 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Đầu tư trên diện tích đất 74.000 m² tại khu Đồng Chóp Vạn, thôn Do Thượng, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc theo Quyết định số 792/QĐ-UB ngày 12/03/2004 về việc thu hồi và giao đất cho Công ty Cổ phần Vĩnh Sơn và Quyết định số 1459/QĐ-UB ngày 10/05/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc chấp thuận Dự án Đầu tư xây dựng khu biệt thự và nhà nghỉ Nam Sơn.

Giai đoạn 2: Mở rộng phạm vi thực hiện dự án với tổng diện tích 646.649 m² (đã bao gồm 74.000 m² của giai đoạn 1) tại xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc theo Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 23/07/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc giao đất mở rộng Dự án Đầu tư xây dựng khu biệt thự và nhà nghỉ Nam Sơn.

Hiện tại, Dự án này vẫn đang trong quá trình thực hiện đầu tư.

9. Phải trả người bán

30/06/2020

01/01/2020

Giá trị

**Số có khả năng
trả nợ**

Giá trị

**Số có khả năng
trả nợ**

AA Corporation

1.510.569.785

1.510.569.785

1.510.569.785

1.510.569.785

Công ty TNHH AEDAS

LANDSCAPE

1.894.401.275

1.894.401.275

1.894.401.275

1.894.401.275

Khách hàng khác

15.500.020

15.500.020

500.020

500.020

3.420.471.080

3.420.471.080

3.405.471.080

3.405.471.080

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH SƠN

13-S1, Khu đô thị Hà Tiên, xã Định Trung,
thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>01/01/2020</u>		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	<u>30/06/2020</u>	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	340.700.395	-		25.680.688	366.381.083	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	28.312.848	68.406.503	69.941.906		26.777.445
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	48.625.888	48.625.888	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	340.700.395	28.312.848	120.032.391	147.248.482	366.381.083	26.777.445

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Chi phí phải trả

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Chi phí ĐBGPMB	20.913.319.315	20.913.319.315
	20.913.319.315	20.913.319.315

12. Phải trả khác

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Ngắn hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.613.028	8.613.028
	8.613.028	8.613.028

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH SƠN

13-S1, Khu đô thị Hà Tiên, xã Định Trung,
thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

13. Vay và nợ thuê tài chính**Vay**

	Giá trị	01/01/2020	Trong kỳ		30/06/2020
		Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn					
Vay cá nhân	29.780.000.000	29.780.000.000	-	-	29.780.000.000
Vay dài hạn	29.780.000.000	29.780.000.000	-	-	29.780.000.000

Khoản vay các cá nhân từ những năm trước theo các *Hợp đồng vay tài sản* với các điều khoản như sau:

Số tiền vay: Quy định chi tiết theo từng hợp đồng vay;

Thời hạn vay: 24 tháng;

Lãi suất vay: 2%/năm và không thay đổi trong suốt thời hạn vay;

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vĩnh Sơn.

Điều khoản bù trừ nghĩa vụ hợp đồng: Trong thời gian thực hiện hợp đồng tính từ thời điểm Công ty nhận được số tiền vay, nếu hai bên có bất kỳ thỏa thuận nào khác bằng văn bản mà theo đó làm phát sinh nghĩa vụ tài chính của hai bên thì hai bên sẽ thống nhất dùng tiền các cá nhân đã cho Công ty vay theo hợp đồng để thực hiện khấu trừ ngay hoặc khấu trừ dần vào nghĩa vụ của hai bên. Hai bên tiến hành đối chiếu bù trừ nghĩa vụ căn cứ vào các chứng từ gốc và thống nhất rằng Công ty không phải trả bất kỳ khoản lãi nào cho các cá nhân cho vay.

Hiện tại, các khoản vay gốc đều quá thời hạn. Công ty không hạch toán chi phí lãi vay, áp dụng điều khoản Bù trừ nghĩa vụ hợp đồng, mặc dù hai bên không có các thỏa thuận nào khác bằng văn bản làm phát sinh nghĩa vụ tài chính ngoài khoản tiền gốc ban đầu, cũng như không có văn bản nào liên quan tới việc gia hạn các khoản vay và quyền lợi thu lãi của các cá nhân cho vay.

14. Vốn chủ sở hữu**14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		
	Vốn góp của chủ Sở hữu	LNST thuế chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư 01/01/2020	1.150.000.000.000	(129.195.591)	1.149.870.804.409
Lãi trong kỳ		(18.402.814)	(18.402.814)
Số dư 30/06/2020	1.150.000.000.000	(147.598.405)	1.149.852.401.595

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH SƠN13-S1, Khu đô thị Hà Tiên, xã Định Trung,
thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	30/06/2020		01/01/2020	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	39,90	458.850.000.000	39,90	458.850.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Dragon Village	60,00	690.000.000.000	60,00	690.000.000.000
Nguyễn Khánh Trung	0,10	1.150.000.000	0,10	1.150.000.000
	100,00	1.150.000.000.000	100,00	1.150.000.000.000

14.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	30/06/2020	01/01/2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01/01/2020	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000
Vốn góp tại ngày 30/06/2020	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000

14.4. Cổ phiếu	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	100.000	100.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6T đầu năm 2020	6T đầu năm 2019
Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.090.909	216.636.367
	96.090.909	216.636.367
2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	6T đầu năm 2020	6T đầu năm 2019
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	-	59.000.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	6.616.549	6.773.841
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.608.765	17.530.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.035.930	90.733.154
Chi phí bằng tiền khác	39.207.545	36.733.915

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH SƠN

13-S1, Khu đô thị Hà Tiên, xã Định Trung,

thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Thuế, phí, lệ phí	-	3.000.000
Chi phí phân bổ	29.764.938	
	124.233.727	213.771.428

3. Chi phí khác	6T đầu năm 2020	6T đầu năm 2019
Các khoản bị phạt		36.524.892
Chi phí khác	4.000.000	-
	4.000.000	36.524.892

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6T đầu năm 2020	6T đầu năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(32.142.818)	(33.659.953)
Các khoản điều chỉnh tăng	4.000.000	36.524.892
Chi phí không hợp lệ	4.000.000	
Phạt hành chính, thuế		36.524.892
Các khoản điều chỉnh giảm ()	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(28.142.818)	2.864.939
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	0	572.988

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành **0** **572.988**

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6T đầu năm 2020	6T đầu năm 2019
Lợi nhuận thuần sau thuế	(32.142.818)	(34.232.941)
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(32.142.818)	(34.232.941)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	11.500.000	11.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.7)	(3)

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Người lập biểu



Lê Thị Hải Hà

Kế toán trưởng



Trần Văn Chiến

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 07 năm 2020



Vũ Nhất

